

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 4 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ninh Ngọc Thu và bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tạ Văn Th, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 3 Ph, xã C, huyện L, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Chị Tạ Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 1 Ph, xã C, huyện L, tỉnh H.

Phiên tòa: Anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2022, bản tự khai và lời khai của anh Tạ Văn Th; lời khai của chị Tạ Thị T, cùng các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án như sau:

- *Về hôn nhân:* Anh Tạ Văn Th và chị Tạ Thị T lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh Tạ Văn Th trình bày: Sau khi cưới, vợ chồng anh chỉ chung sống hòa thuận được 03 tháng thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân ban đầu bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa chị T với gia đình anh, chị T không chỉ cãi, chửi nhau mà còn đánh nhau với mẹ đẻ, em trai và em dâu của anh. Vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2009, do chị T phát hiện anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị T đã vào tận tỉnh Đồng Nai nơi anh đang làm việc để tìm, anh đã xin lỗi và tiếp tục chung sống cùng chị T nhưng chị T vẫn thường xuyên cãi nhằn, trách móc và chửi đũa anh. Vợ chồng anh đã chính thức sống ly thân từ tháng 8/2009 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Chị Tạ Thị T xác nhận: Quá trình chung sống với gia đình nhà chồng, giữa chị với mẹ chồng cũng có những mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, nhưng không ảnh hưởng quá nhiều đến cuộc sống chung của chị và anh Th. Vì từ năm 2000, vợ chồng chị đã mua đất làm nhà ra ở riêng, vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến năm 2009 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện anh Th có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã vào tận Biên Hòa, Đồng Nai nơi anh Th đang làm thợ mộc để tìm nhưng anh Th không chịu về chung sống cùng chị, vợ chồng chị đã chính thức sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Từ đó đến nay anh Th không quan tâm trách nhiệm gì đối với chị và các con. Nay anh Th có đơn khởi kiện ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không chấp nhận cho anh Th về chung sống đoàn tụ nhưng chị cũng không đồng ý ly hôn cùng anh Th, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Anh Th, chị T cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung gồm: Cháu Tạ Thị L, sinh năm 1999 và cháu Tạ Thị L1, sinh năm 2003 đều đã đủ tuổi trưởng thành tự lập theo quy định của pháp luật. Anh Th và chị T không phải trách nhiệm nuôi dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Tạ Thị Tuyết M, sinh ngày 20/01/2007, hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh Th và chị T đều đề nghị giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M cho chị T 1.000.000 đồng/tháng. Cháu M có lời khai xin được ở với chị T.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải nhưng chị T vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm:

+ Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không tham gia buổi hòa giải, tiếp cận, công

khai chứng cứ và vắng mặt phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa anh Tạ Văn Th và chị Tạ Thị T. Về con chung, đề nghị giao cháu Tạ Thị Tuyết M, sinh ngày 20/01/2007 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M cho chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do anh Tạ Văn Th cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho chị Tạ Thị Th. Chị T có lời khai tại Tòa án nhưng vắng mặt không tham gia buổi hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ và nhiều lần vắng mặt phiên tòa, gây cản trở quyền lợi ích hợp pháp của đương sự khác và hoạt động tố tụng của Tòa án; nguyên đơn (anh Tạ Văn Th) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đối với anh Th, chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Tạ Văn Th và chị Tạ Thị T là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh Th và chị T cùng xác nhận là do anh Th có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Anh Th và chị T cũng đã được bố mẹ 02 bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay đã hơn 10 năm. Nay anh Th khởi kiện ly hôn, chị T không đồng ý ly hôn nhưng xác định vợ chồng không còn tình cảm và chị không chấp nhận cho anh Th về chung sống đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của anh Th là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Tạ Thị L, sinh năm 1999 và cháu Tạ Thị L1, sinh năm 2003 đều đã đủ tuổi trưởng thành tự lập theo quy định của pháp luật. Anh Th và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Tạ Thị Tuyết M hiện dưới 18 tuổi và đang do chị T nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu được đảm bảo. Quá trình giải quyết vụ án anh Th và chị T đều có quan điểm chung thống nhất giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng, anh Th cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cháu M có nguyện vọng được ở với chị T. Xét thấy thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Tạ Văn Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Tạ Văn Th và chị Tạ Thị T.

2. Về con chung: Giao chị Tạ Thị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Thị Tuyết M, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2007. Anh Tạ Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu M cho chị T mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng, kể từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Tạ Văn Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí anh Th đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai số AA/2021/0001036 ngày 14

tháng 02 năm 2022. Anh Th còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Công Lý, huyện Lý Nhân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Huy